

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Báo cáo tài chính riêng
Quý IV năm 2020



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0103018458 ngày 23 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Kinh doanh số

Giấy Chứng nhận 0102325399 ngày 19 tháng 4 năm 2011
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102325399 ngày 08 tháng 10 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng nhận 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016
Đăng ký Đầu tư số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Chu Việt Cường	Thành viên
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên
Ông Đinh Việt Phương	Thành viên
Ông Donal Joshep Boylan	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành (đến ngày 01 tháng 10 năm 2020)
Ông Đinh Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc Thường trực - Giám đốc Điều hành (từ ngày 01 tháng 10 năm 2020)
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Tài chính
Ông Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01 tháng 10 năm 2020)
Ông Đỗ Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Dương Ngọc Thảo
Bà Đoàn Thu Hương
Ông Phạm Văn Đầu

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

302/3 Kim Mã
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 4 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng quý đính kèm.



Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 1 năm 2021

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		18.007.661.210.035	19.475.407.848.998 ✓
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.896.698.464.135	5.355.816.155.352
Tiền	111		1.218.819.826.755	3.815.637.517.972
Các khoản tương đương tiền	112		1.677.878.637.380	1.540.178.637.380
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		600.000.000.000	1.144.756.800.000
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	990.000.000.000	990.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(390.000.000.000)	(555.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	-	709.756.800.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.583.306.506.044	11.781.440.667.810
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.886.768.763.243	3.334.187.094.292
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	229.677.573.527	186.825.273.966
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	9.466.860.169.274	8.260.428.299.552
Hàng tồn kho	140	9	686.565.424.536	747.898.679.837
Tài sản ngắn hạn khác	150		241.090.815.320	445.495.545.999
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	212.726.834.063	382.337.666.788
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	28.363.981.257	63.157.879.211
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		22.534.969.838.919	24.466.778.688.937
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.408.016.988.629	15.089.231.602.305
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	701.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	15.408.016.988.629	14.387.731.602.305
Tài sản cố định	220		849.517.153.152	1.303.160.396.122
Tài sản cố định hữu hình	221	10	848.484.656.852	1.301.038.091.839
Nguyên giá	222		1.122.615.532.564	1.687.120.867.140
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(274.130.875.712)	(386.082.775.301)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.032.496.300	2.122.304.283
Nguyên giá	228		29.907.717.155	29.907.717.155
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.875.220.855)	(27.785.412.872)
Tài sản dở dang dài hạn	240		678.245.793.710	1.258.338.717.091
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	678.245.793.710	1.258.338.717.091
Đầu tư tài chính dài hạn	250		274.973.206.218	224.973.206.218
Đầu tư vào các công ty con	251	6(b)	59.000.000.000	9.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(b)	149.417.024.400	149.417.024.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(c)	6.556.181.818	6.556.181.818
Tài sản dài hạn khác	260		5.324.216.697.210	6.591.074.767.201
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	5.324.216.697.210	6.591.074.767.201
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		40.542.631.048.954	43.942.186.537.935 ✓

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		36.154.881.332.743	37.462.639.184.568
Nợ ngắn hạn	310		25.076.235.119.205	22.741.438.510.945
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.548.829.203.311	1.888.419.058.403
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		813.996.258.084	725.581.455.476
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	296.437.889.385	468.548.742.197
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	550.730.496.481	1.128.067.820.011
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	867.654.596.914	3.184.286.840.374
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	6.063.779.727.470	5.160.454.035.471
Vay ngắn hạn	320	19(a)	10.129.815.636.734	8.161.089.248.187
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	1.804.991.310.826	2.024.991.310.826
Nợ dài hạn	330		11.078.646.213.538	14.721.200.673.623
Phải trả dài hạn khác	337		5.636.355.880	5.636.355.880
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	19(b)	1.347.040.509.856	3.661.872.522.217
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	428.922.143.431	394.444.939.970
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	9.297.047.204.371	10.659.246.855.556
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.387.749.716.211	6.479.547.353.367
Vốn chủ sở hữu	410	22	4.387.749.716.211	6.479.547.353.367
Vốn cổ phần	411	23	5.416.113.340.000	5.416.113.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		245.949.492.805	245.949.492.805
Cổ phiếu quỹ	415	23	(2.347.121.362.620)	(2.347.121.362.620)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.072.808.246.026	3.164.605.883.182
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		40.542.631.048.954	43.942.186.537.935

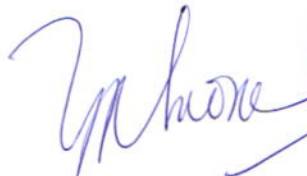
Ngày 30 tháng 1 năm 2021

Người lập:




Hoàng Mạnh Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc
- Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Đinh Việt Phương
Phó Tổng Giám đốc Thường trực
- Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này